

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG 533

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11-12
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13-34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Giám Đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG 533 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Tư vấn Xây dựng Giao thông 533 thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5) theo quyết định số 3996/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000665 ngày 01/07/2005. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/05/2013 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là 0400372588. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

- Khảo sát địa chất, địa hình thủy văn, địa chất thủy văn các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện. Lập báo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện, khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng cụm dân cư. Thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng hợp dự toán các công trình giao thông, xây dựng, thủy điện, thủy lợi, công nghiệp và cơ sở hạ tầng cụm dân cư.
- Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất đá vật liệu xây dựng của các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện, nền móng công trình. Kiểm định đánh giá chất lượng công trình giao thông, nền móng công trình.
- Thực hiện tư vấn giám sát và quản lý dự án công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện. Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu.
- Thăm tra thiết kế, tổng dự toán các công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi, thủy điện.
- Quy hoạch đô thị, quy hoạch hạ tầng cơ sở giao thông, khu đô thị
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường các công trình xây dựng giao thông, thủy lợi, thủy điện, khu công nghiệp.
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, đường điện đến 35KV.
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng.
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
- Kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế.
- Tổ chức đào tạo và liên kết dạy nghề hướng nghiệp.
- Ứng dụng tin học, chuyển giao công nghệ tin học trong thiết kế công trình, bao gồm: Lập trình, cung cấp phần mềm tin học, chuyển giao công nghệ phần mềm tin học. Kinh doanh lắp ráp, lắp đặt các thiết bị tin học, điện tử, viễn thông, xuất nhập khẩu phần cứng và phần mềm tin học.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và khu đô thị.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hoạt động chính của Công ty: (tiếp)

- Xuất nhập khẩu công cụ sản xuất, hàng tiêu dùng các loại, sản phẩm phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.
- Tư vấn đầu tư xây dựng điện.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí.
- Thăm dò và khai thác khoáng sản.

Trụ sở chính: 77 Nguyễn Du, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Trung Nhân
Ông Đoàn Kim Thụy
Ông Trần Văn Hữu
Ông Lee Bomb June
Ông Lê Quang Vinh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Võ Nhật Thủ
Ông Lê Quang Thanh
Ông Nguyễn Hữu Đức

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Quang Vinh
Ông Nguyễn Danh Hà
Ông Võ Trọng Vinh
Ông Mai Đăng Thanh Tiến
Ông Vũ Gia Hưng
Ông Phạm Lê Triệu Vỹ

Giám Đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

4. Các thông tin khác

5. Kiểm toán độc lập

Chi Nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) tại Đà Nẵng được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

6. Cam kết của Ban Giám đốc (tiếp)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 04 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Quang Vinh

Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 04.14.59

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi :

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây Dựng 533

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG 533, được lập ngày 04/04/2014, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.10 - Đầu tư dài hạn khác, đến thời điểm 31/12/2013, chúng tôi chưa được nhận được Báo cáo tài chính về khoản đầu tư dài hạn của Công ty CP Đầu tư Tư vấn XDGT Phía Nam. Do giới hạn về phạm vi kiểm toán nêu trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư nêu trên.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG 533 tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 04 năm 2014

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN THỊ HIỆP

Số GCNĐKHNKT: 1401-2013-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



DANG NGỌC TÚ

Số GCNĐKHNKT: 0213-2013-05-01

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		97.741.950.560	91.486.357.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.476.969.841	2.878.653.214
1. Tiền	111		776.853.841	2.878.653.214
2. Các khoản tương đương tiền	112		700.116.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.314.880.246	33.245.230.920
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	20.574.762.211	18.181.454.176
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	9.491.037.823	10.417.164.202
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	6.249.080.212	4.646.612.542
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	53.446.597.226	49.972.871.715
1. Hàng tồn kho	141		53.446.597.226	49.972.871.715
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.503.503.247	5.389.601.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.414.822	36.521.456
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	6.457.088.425	5.353.080.155

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		15.373.547.629	16.062.600.873
(200 = 210+220+240+250+260)					
I. Các khoản phải thu dài hạn		210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		13.659.572.460	14.343.571.048
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.07	3.417.631.057	4.053.908.091
- Nguyên giá		222		11.452.884.495	13.360.521.790
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(8.035.253.438)	(9.306.613.699)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
- Nguyên giá		225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.08	10.178.575.575	10.226.297.129
- Nguyên giá		228		12.534.232.797	12.576.882.797
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(2.355.657.222)	(2.350.585.668)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.09	63.365.828	63.365.828
III. Bất động sản đầu tư		240			
- Nguyên giá		241			
- Giá trị hao mòn lũy kế		242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250	V.10	1.673.500.000	1.673.500.000
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258		1.673.500.000	1.673.500.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		40.475.169	45.529.825
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.11	40.475.169	45.529.825
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác		263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		113.115.498.189	107.548.958.333

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)		300		77.434.741.770	72.051.185.962
I. Nợ ngắn hạn		310		67.784.291.368	63.653.980.425
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.12	8.851.905.590	7.020.413.917
2. Phải trả cho người bán		312	V.13	6.138.328.749	5.424.517.179
3. Người mua trả tiền trước		313	V.14	41.272.578.872	39.017.534.543
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.15	2.304.412.534	3.501.853.544
5. Phải trả người lao động		315		90.773.508	16.830.279
6. Chi phí phải trả		316	V.16	91.090.909	608.963.934
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.17	8.696.295.511	7.778.451.334
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		338.905.695	285.415.695
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		9.650.450.402	8.397.205.537
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.18	-	250.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		9.650.450.402	8.147.205.537
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		31.155.579.485	31.093.795.437
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	31.155.579.485	31.093.795.437
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.469.213.000	3.469.213.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.811.438.416	1.811.438.416
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		584.108.062	584.108.062
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		290.820.007	229.035.959
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		V.20	4.525.176.934	4.403.976.934
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		113.115.498.189	107.548.958.333

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)		141.365.403	141.365.403
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- Ngoại tệ (USD)		132,89	152,57
- Ngoại tệ (EURO)		76,44	89,52
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Tấn Thành

Kế toán trưởng

Phạm Lê Triệu Vỹ

Giám đốc



Lê Quang Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 21	16.842.278.950	19.597.543.059
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 22	271.098.456	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 23	16.571.180.494	19.597.543.059
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 24	14.036.164.803	16.641.052.873
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.535.015.691	2.956.490.186
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.25	4.422.784	33.083.072
7. Chi phí tài chính	22	VI.26	136.182.966	401.400.118
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		136.182.966	399.941.646
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	2.036.516.545	2.310.775.829
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		366.738.964	277.397.311
11. Thu nhập khác	31	VI.28	1.346.846.590	1.312.578.355
12. Chi phí khác	32	VI.29	1.607.500.852	1.480.932.776
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(260.654.262)	(168.354.421)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		106.084.702	109.042.890
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	53.978.331	35.942.426
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.106.371	73.100.464
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(9.677.677)	(8.198.758)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông là Công ty Mẹ			61.784.048	81.299.222
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.32	24,71	32,52

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2014

Người lập biểu

Nguyễn Tấn Thành

Kế toán trưởng

Phạm Lê Triệu Vỹ

Giám đốc



Lê Quang Vinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01		21.933.173.691	24.818.740.503
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(13.099.222.578)	(7.794.855.677)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.588.852.633)	(7.221.766.360)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(744.121.173)	(1.616.550.280)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.961.584.326)	(419.584.743)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.345.694.305	871.022.909
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(4.794.594.293)	(6.666.169.581)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.909.507.007)	1.970.836.771
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(17.590.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(360.730.935)	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		4.248.711	32.255.988
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(374.072.224)	32.255.988
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		491.608.612	158.961.353
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.785.641.499	10.623.509.437
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.904.149.826)	(15.432.935.350)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(491.378.500)	(111.254.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.881.721.785	(4.761.718.560)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2013	Năm 2012
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50		(1.401.857.446)	(2.758.625.801)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.878.653.214	5.638.106.099
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		174.073	(827.084)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70		<u>1.476.969.841</u>	<u>2.878.653.214</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2014

Giám đốc

Nguyễn Tấn Thành

Phạm Lê Triệu Vỹ

Lê Quang Vinh

